

Cục QLGT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3357/2017/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 9 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

QUYẾT ĐỊNH Về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng
tại chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ÔNG VĂN ĐẾN

Số: 47.12
12-9-2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ, Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại văn bản số 1858/SCT-QLTM ngày 11/8/2017, Giám đốc Sở Tài chính văn bản số 3049/STC-QLCSGC ngày 16/8/2017 về dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Đối tượng áp dụng

- Các hộ kinh doanh sử dụng diện tích để kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng phương tiện chở hàng hóa vào chợ.

- Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác chợ hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Không áp dụng đối với đối tượng mua hoặc thuê địa điểm kinh doanh tại chợ theo hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh.

2. Mức thu

ST T	Đối tượng nộp phí chợ	Đơn vị tính	Giá cụ thể					
			Thành phố, thị xã		Các huyện đồng bằng		Các huyện miền núi	
			Chợ thuộc phường	Chợ thuộc xã	Chợ thị trấn	Chợ xã	Chợ thị trấn	Chợ xã
I	Chợ do Nhà nước đầu tư (vốn ngân sách nhà nước)							
1	Đối với hộ kinh doanh thường xuyên tại điểm kinh doanh (ĐKD) có bố trí diện tích							
	Chợ hạng 1	đồng/m ² /tháng	150.000	125.000	135.000	120.000	130.000	110.000
	Chợ hạng 2	đồng/m ² /tháng	140.000	115.000	125.000	110.000	120.000	100.000
	Chợ hạng 3	đồng/m ² /tháng	130.000	105.000	115.000	100.000	110.000	90.000
2	Đối với hộ kinh doanh thường xuyên tại điểm kinh doanh (ĐKD) chưa bố trí diện tích cụ thể							
	Chợ hạng 1	đồng/ĐKD/tháng	300.000	285.000	290.000	275.000	280.000	265.000
	Chợ hạng 2	đồng/ĐKD/tháng	280.000	265.000	270.000	255.000	260.000	245.000
	Chợ hạng 3	đồng/ĐKD/tháng	260.000	245.000	250.000	235.000	240.000	225.000
3	Đối với hộ kinh doanh không thường xuyên tại chợ (vãng lai)							
	Chợ hạng 1, 2, 3	đồng/ĐKD/lượt vào chợ	5.000					
4	Đối với các chủ hàng hoặc người điều khiển phương tiện vận chuyển ra, vào chợ và bán hàng tại chợ							
	Xe thô sơ, xe mô tô	đồng/lượt xe	2.000					
	Xe tải trọng ≤ 1 tấn	đồng/lượt xe	5.000					
	Xe tải trọng từ trên 1 tấn đến ≤ 2 tấn	đồng/lượt xe	10.000					
	Xe trọng tải từ trên 2 tấn đến ≤ 3,5 tấn	đồng/lượt xe	15.000					

ST T	Đối tượng nộp phí chợ	Đơn vị tính	Giá cụ thể					
			Thành phố, thị xã		Các huyện đồng bằng		Các huyện miền núi	
			Chợ thuộc phường	Chợ thuộc xã	Chợ thị trần	Chợ xã	Chợ thị trần	Chợ xã
	Xe trọng tải từ trên 3,5 đến ≤ 5 tấn	đồng/luợt xe	25.000					
	Xe trọng tải từ trên 5 tấn đến ≤ 7 tấn	đồng/luợt xe	35.000					
	Xe trọng tải từ trên 7 tấn đến ≤ 10 tấn	đồng/luợt xe	45.000					
	Xe trọng tải trên 10 tấn	đồng/luợt xe	60.000					
5	Đối với hộ kinh doanh gia súc, không bao gồm gia cầm							
	Gia súc: Trâu, bò, ngựa	đồng/con/ngày	25.000					
	Gia súc khác (lợn, chó, mèo...)	đồng/con/ngày	5.000					
II	Chợ do tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh (vốn ngoài ngân sách nhà nước)		Giá tối đa không quá 02 lần mức quy định tại mục I nêu trên					

- Mức giá trên đã bao gồm thuế GTGT (áp dụng đối với chợ đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa).

- Đối với các chợ được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước: Giao cho Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ mức giá cụ thể quy định tại mục I Biểu mức thu trên để chỉ đạo các tổ chức, cá nhân quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn thực hiện theo quy định.

- Đối với các chợ được đầu tư từ vốn ngoài ngân sách nhà nước: Giao cho người có thẩm quyền của các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh căn cứ điều kiện, tình hình thực tế trên địa bàn, phê duyệt mức giá cụ thể để thực hiện nhưng không vượt mức thu quy định quy định tại mục II Biểu mức thu trên.

- Đối với chợ chưa được đầu tư xây dựng kiên cố, bán kiên cố (hay chợ tạm) mức thu bằng 50% mức thu tại mục I Biểu mức thu nêu trên.

Ghi chú:

- *Hạng chợ:* Được phân theo quy hoạch phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- *Hộ kinh doanh:* Là cá nhân hay đơn vị có đăng ký điểm kinh doanh tại chợ.

- *Điểm kinh doanh:* Là tên gọi chung cho cửa hàng, quầy hàng, sạp hàng, lô quầy, ki ốt của hộ kinh doanh được bố trí cố định trong phạm vi chợ theo thiết kế xây dựng chợ.

- *Diện tích bán hàng tại chợ:* Là diện tích điểm kinh doanh.

3. Cơ chế thu, nộp, quản lý và sử dụng

- Cá nhân, tổ chức thu giá dịch vụ sử dụng diện tích tại chợ có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức giá tại địa điểm thu.

- Số tiền thu được từ giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ là doanh thu, thực hiện nộp thuế theo quy định.

- Khi chính sách, chế độ quy định của Nhà nước thay đổi, giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức khảo sát, lập phương án điều chỉnh giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn